TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **09** /2024/QĐST-VHNGĐ
Ngày 12 - 7 - 2024

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Quang Minh - Thẩm phán;

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn – Thư ký Tòa án;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên họp: Ông Đinh Văn Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2024/TLST-VHNGĐ ngày 22/5/2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", theo Quyết định mở phiên họp số 02/2024/QĐ-TA ngày 21 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu thứ nhất: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1987; Nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Có Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt;

- Người yêu cầu thứ hai: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Có Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, các Bản tự khai của ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H cùng các tài liệu có tại hồ sơ, nội dung việc dân sự được xác định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyên tìm hiểu có đăng ký tại UBND xã Phú Trạch (nay là xã Hải Phú) ngày 09/9/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung. Sau khi có con chung, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và thường xuyên xảy ra cải vã. Đến khoảng tháng 10/2014, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ năm 2015 đến năm 2024, bà H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên vợ chồng không có khả năng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cũng không có khả năng hàn gắn nên ông D và bà Hường thống nhất ly hôn và đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình này.

Về con chung: ông D và bà H thống nhất vợ chồng có 01 con chung là

Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 05/01/2011, hiện đang sống cùng ông Nguyễn Tiến D. Sau khi ly hôn, ông D và bà H thỏa thuận giao con chung cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông D không yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại Đơn trình bày của cháu Nguyễn Ngọc Bảo V thể hiện: cháu V bày tỏ ý kiến là mong muốn được ở với ông D sau khi bố mẹ ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham dự phiên họp phát biểu quan điểm: đề nghị Tòa án áp dụng 29, 35, 39, 366, 367, 369, 370, 371 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Tiến D với bà Nguyễn Thị H; công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung của vợ chồng, các vấn đề khác đương sự không có yêu cầu, đã thống nhất nên không xem xét. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: ghi nhận sự tự nguyên của ông Nguyễn Tiến D về việc nộp toàn bộ lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn hợp pháp và đều đăng ký cư trú tại xã Hải Phú, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Quá trình giải quyết vụ việc, ông Nguyễn Tiến D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bà Nguyễn Thị H có Đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do phải đi nước ngoài làm việc theo yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động nên Tòa án không tổ chức hòa giải được. Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý vụ việc, cả ông D và bà H đều đã có bản tự khai thể hiện quan điểm của mình về các nội dung cần xem xét của vụ việc. Do đó, ngay cả trong trường hợp bà H có thay đổi nơi cư trú ra nước ngoài thì vụ việc cũng không thuộc trường hợp phải ủy thác thu thập chứng cứ ra nước ngoài và không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ việc của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch. Căn cứ vào khoản 3 Điều 39 và khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tiến D theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyên, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền,

tại thời điểm đăng ký kết hôn các bên có đủ điều kiện, vì vậy theo quy định tại các Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định đây đây là hôn nhân hợp pháp; khi các bên có yêu cầu giải quyết việc ly hôn, Tòa cần xem xét giải quyết yêu cầu theo quy định.

Xét yêu cầu thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng ông D, bà H chỉ duy trì được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2014 vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung. Năm 2015, bà H đi lao động ở nước ngoài đến năm 2024 mới về Việt Nam. Theo lời khai của ông D, bà H thể hiện ông, bà thống nhất việc ly hôn và cùng có Đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, không tham gia hòa giải. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định tình cảm vợ chồng giữa ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Hiện tại, hai bên cũng không mong muốn khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H.

[2.2] Quan hệ con chung: Xét thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 05/01/2011 cho ông Nguyễn Tiến D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thấy rằng: hiện cháu Vy đang sinh sống với ông D và được ông D chăm sóc từ khi bà H đi lao động ở nước ngoài nên điều kiện sinh hoạt, học tập đã ổn định. Bà H thống nhất quan điểm với ông D về việc nuôi con và theo trình bày của Bà thì bà đã ra nước ngoài nên điều kiện để trực tiếp nuôi con là không thể thực hiện được. Mặt khác, nguyện vọng của cháu V thể hiện mong muốn được ở với ông D sau khi ông D, bà H ly hôn. Các đương sự không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, ông D cam đoan sẽ đảm bảo các điều kiện để chăm sóc con. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái luật và đạo đức xã hội, do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các nội dung này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Áp dụng các Điều 29, 35, 39, 147, 366, 367, 369, 370, 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị H: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo V, sinh ngày 05/01/2011 cho ông Nguyễn Tiến D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con, các bên liên quan có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm của ông Nguyễn Tiến D, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông D đã nộp tại Cục Thi hành án Dân sự huyện Bố Trạch theo biên lai số 002618 ngày 22 tháng 5 năm 2024.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Hải Phú;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)

Lê Quang Minh